TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/DS-ST
Ngày 29 tháng 5 năm 2024
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thanh Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Công Lương

2. Ông Phạm Xoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành, Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 420/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 420/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2024/QĐST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: 2..-2.. N, Phường .., Quận .., thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức T– Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện khởi kiện: ông Nguyễn T– Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tại thành phố Đà Nẵng (theo Quyết định V/v ủy quyền ký hợp đồng/ thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 3270/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022 của bà Nguyễn Đức T – Chức vụ: Tổng Giám đốc). Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Nguyễn Văn N – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Giấy ủy quyền số 128/2023/UQ-CNĐN ngày 10/10/2023 của ông Nguyễn T – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tại thành phố Đà Nẵng). Địa chỉ: 1…B, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- Bị đơn: ông Trần Ngọc H – sinh năm: 197..

Địa chỉ: K3..đường H, phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nội dung vụ án như sau:

Ngày 20/01/2019, ông Trần Ngọc H có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất: 2,6%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Sau khi được cấp tín dụng, ông H đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 69.212.967đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, đến ngày 22/8/2020, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 34.319.661đồng, trong đó: phí trễ hạn: 1.266.227đồng, phí vượt hạn mức: 152.506đồng, phí; 2.217.600đồng, lãi phát sinh: 7.028.000đồng và thanh toán gốc: 23.655.328đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Đến kỳ sao kê ngày 22/9/2020, ông H không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 22/01/2021 Ngân hàng chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn.

Tại phiên toà, Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bổ sung yêu cầu tính lãi đến ngày 29/5/2024, cụ thể: ông H còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Dư nợ gốc: 45.557.639đồng *(Bốn mươi lăm triệu năm trăm năm bảy ngàn sáu trăm ba chín đồng)*, lãi và phí phát sinh 3.827.347đồng *(Ba triệu tám trăm hai bảy ngàn ba trăm bốn bảy đồng)*, lãi quá hạn: 52.639.158đồng *(Năm mươi hai triệu sáu trăm ba chín ngàn một trăm năm tám đồng)*, tổng cộng: 102.024.144đồng *(Một trăm lẻ hai triệu không trăm hai bốn ngàn một trăm bốn bốn đồng)*, lãi được tiếp tục tính từ ngày 30/5/2024 cho đến khi ông H trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với ông Trần Ngọc H đến Tòa án để lấy lời khai, Mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên ông H đều không có mặt và không có lý do về việc vắng mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Ngọc H cư trú tại K3..đường H, phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận

Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Bị đơn là ông Trần Ngọc H, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo qui định tại khoản 3 Điều 177; Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông H vẫn không có mặt tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 20/01/2019, ông Trần Ngọc H đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Hạn mức sử dụng là 50.000.000đồng, lãi suất 2,6%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Xét Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (đơn vị đại diện theo ủy quyền ký Hợp đồng là Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tại thành phố Đà Nẵng) và ông Trần Ngọc H được ký kết bởi chủ thể hợp pháp của hai bên, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự và quy định của Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch.

Tại phiên tòa, căn cứ các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung yêu cầu tính lãi đến ngày 29/5/2024, buộc ông Trần Ngọc H phải thanh toán số tiền nợ cụ thể là: Dư nợ gốc: 45.557.639đồng *(Bốn mươi lăm triệu năm trăm năm bảy ngàn sáu trăm ba chín đồng)*, lãi và phí phát sinh 3.827.347đồng *(Ba triệu tám trăm hai bảy ngàn ba trăm bốn bảy đồng)*, lãi quá hạn: 52.639.158đồng *(Năm mươi hai triệu sáu trăm ba chín ngàn một trăm năm tám đồng)*, Tổng cộng: 102.024.144đồng *(Một trăm lẻ hai triệu không trăm hai bốn ngàn một trăm bốn bốn đồng)*, lãi được tiếp tục tính từ ngày 30/5/2024 cho đến khi ông H trả hết khoản vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng ký ngày 20/01/2019.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông H vắng mặt, nhưng tại hồ sơ vụ án thể hiện ông H có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/01/2019 với Ngân hàng TMCP S và số dư nợ như Ngân hàng yêu cầu.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì thấy: Từ kỳ sao kê ngày 22/9/2020 cho đến nay ông H không thanh toán cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, như vậy ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng qui định tại

Điều 23 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S mà ông đã ký kết với Ngân hàng ngày 20/01/2019. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông H phải trả cho Ngân hàng số tiền: Dư nợ gốc: 45.557.639đồng *(Bốn mươi lăm triệu năm trăm năm bảy ngàn sáu trăm ba chín đồng),* lãi và phí phát sinh 3.827.347đồng *(Ba triệu tám trăm hai bảy ngàn ba trăm bốn bảy đồng),* lãi quá hạn: 52.639.158đồng *(Năm mươi hai triệu sáu trăm ba chín ngàn một trăm năm tám đồng),* Tổng cộng: 102.024.144đồng *(Một trăm lẻ hai triệu không trăm hai bốn ngàn một trăm bốn bốn đồng).* Lãi được tiếp tục tính từ ngày 30/5/2024 cho đến khi ông H trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng ký ngày 20/01/2019 như Ngân hàng yêu cầu là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Ngọc H phải chịu theo qui định của pháp luật là: 102.024.144đồng x 5% = 5.101.207đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự
- Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
- Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016
- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với ông Trần Ngọc H.

Xử:

1. Buộc ông Trần Ngọc H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ tổng cộng là: 102.024.144đồng *(Một trăm lẻ hai triệu không trăm hai bốn ngàn một trăm bốn bốn đồng)*, trong đó: Dư nợ gốc: 45.557.639đồng *(Bốn mươi lăm triệu năm trăm năm bảy ngàn sáu trăm ba chín đồng),* lãi và phí phát sinh 3.827.347đồng *(Ba triệu tám trăm hai bảy ngàn ba trăm bốn bảy đồng),* lãi quá hạn: 52.639.158đồng *(Năm muwoi hai triệu sáu trăm ba chín ngàn một trăm năm tám đồng).*

Lãi phát sinh được tiếp tục tính từ ngày 30/5/2024 cho đến khi ông H trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S) ký ngày 20/01/2019.

2. Án phí dân sự sơ thẩm ông Trần Ngọc H phải chịu là: 5.101.207đồng *(Năm triệu một trăm lẻ một ngàn hai trăm lẻ bảy đồng)*.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 2.322.878đồng *(Hai triệu ba trăm hai hai ngàn tám trăm bảy tám đồng)* theo biên lai thu số 0002693 ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngỳ kể từ ngày tuyên án, bị đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày cấp hoặc niêm yết bản án tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Anh

Nơi nhận:
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *CCTHADS quận Hải Châu;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*